

Bản án số: **44/2022/HS-ST**

Ngày: 11 -8- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hòa

Ông Nguyễn Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Ông Tê Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HSST-QĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Trần Việt Q , sinh ngày 28/5/1991 tại Quảng Nam.

Nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở: Tổ 24, phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông không rõ và bà Trần Thị Th (SN: 1960; còn sống). Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định số 157/QĐ-XPHC ngày 23/4/2021 của Công an phường T, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 05/11/2021 theo Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng và hiện đang thi hành án hình phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định thi hành án phạt tù số 67/2022/QĐ-CA ngày 19/5/2022 của TAND quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Huỳnh Bá T, sinh ngày 25/9/1986 tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 31, phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Chỗ ở: Tổ 58, phường C, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;
quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Huỳnh Bá Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lệ H (SN: 1961; còn sống). Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Lâm Thị Thu Tr (SN: 1991; còn sống) và có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định số: 08/QĐ-XPHC ngày 30/3/2021 của Công an phường H, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ.

Nhân thân:

-Quyết định số: 01/QĐ-TA ngày 05/01/2022 của TAND quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng kể từ ngày 03/11/2021.

- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND phường C, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng Về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 06 tháng kể từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/3/2022 (chấm dứt theo Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 04/11/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội Bàu Bàng, TP. Đà Nẵng theo Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng với thời hạn 12 tháng kể từ ngày 03/11/2021 và đã chấp hành xong kể từ ngày 03/8/2022 (theo Văn bản số 218/CSXHBB-GD DN ngày 30/7/2022 của Cơ sở xã hội Bàu Bàng, TP. Đà Nẵng) – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/ Chị Nguyễn Hồ Ngọc H, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 269 đường L, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

2/ Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 185 đường M, tổ 28, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

3/ Chị Phạm Thị Kim U, sinh năm: 1977(xin vắng mặt)

Địa chỉ: 269 đường Q, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

4/ Chị Phan Thị N, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
5/ Chị **Nguyễn Thị Vân L**, sinh năm: 1981(xin vắng mặt)
Địa chỉ: 117 đường B, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Nguyễn Đức Ch**, sinh năm: 1993(xin vắng mặt)
Địa chỉ: 76 đường T, phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.
2/ Chị **Nguyễn Thị Diệu O**, sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: 287 đường O, phường H, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Trần Việt Q rủ Huỳnh Bá T và đối tượng tên “M” (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô đi đến các tiệm tạp hóa, cửa hàng kinh doanh thiết bị điện nước rồi quan sát chủ tiệm sơ hở trong việc quản lý tài sản thì T, “M” đứng ngoài cảnh giới, chờ Q đi vào tiếp cận tài sản, trộm cắp mang ra xe đi tiêu thụ. Với phương thức, thủ đoạn như trên, Q cùng T, “M” đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn quận, huyện TP. Đà Nẵng cụ thể:

- **Vụ 01:** Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 20/7/2021, “M” điều khiển xe mô tô của “M” (chưa xác định biên kiểm soát) chở Q đi trộm cắp 04 cuộn dây điện, hiệu Vemo, trị giá 5.115.000 đồng tại cửa hàng điện nước số 269 đường L, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng của chị Nguyễn Hồ Ngọc H (SN: 1984); rồi đem bán tại tiệm thiết bị điện nước trên đường O, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng (không xác định rõ địa chỉ cụ thể) được 2.000.000 đồng.

- **Vụ 02:** Khoảng 11 giờ ngày 27/10/2021, T điều khiển xe mô tô BKS: BKS: 43F1-043.50 hiệu Yamaha, loại Nouvo chở Q đi trộm cắp 04 cuộn dây điện đẹp hiệu Vĩnh Thịnh, trị giá 3.800.000 đồng tại cửa hàng điện nước số 185 đường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng của ông Lê Hữu T (SN: 1969); rồi đem bán tại cửa hàng điện nước trên đường O, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng (không xác định rõ địa chỉ cụ thể) được 1.500.000 đồng. Ngoài ra, trước khi thực hiện vụ trộm cắp trên, T và Q còn trộm cắp 03 thùng bia tiger lon bạc, trị giá 1.125.000 đồng của chị Nguyễn Thị Vân L (SN: 1981) vào ngày 19/10/2021 tại tiệm tạp hóa số 117 đường B, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng; rồi đem bán tại tiệm tạp hóa trên đường H, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng (không xác định rõ địa chỉ cụ thể) được 750.000 đồng.

- **Vụ 03:** Khoảng 11 giờ ngày 29/10/2021, T điều khiển xe mô tô chở Q đi trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu HP Elitebook 840, màu trắng bạc, trị giá 4.620.000 đồng tại tiệm tạp hóa số 269 đường Q, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng của chị Phạm Thị Kim U (SN: 1977); rồi đem máy tính xách tay trên nói dối là tài sản của Q bán lấy tiền đóng viện phí cho anh Nguyễn Đức Ch (SN: 1993) tại tiệm cầm đồ K, số 76 đường T, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng được 1.200.000 đồng; đến ngày 30/10/2021, anh Ch bán lại cho một thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 1.400.000 đồng.

- **Vụ 04:** Khoảng 09 giờ ngày 01/11/2021, T điều khiển xe mô tô chở Q đi trộm cắp 01 cuộn dây điện hiệu Cadavi, trị giá 4.946.000 đồng tại cửa hàng điện nước, thôn C, xã H, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng của chị Phan Thị N (SN: 1970); rồi đem 04 cuộn dây điện trên nói dối là làm xây dựng còn dư thừa bán lại cho chị Nguyễn Thị Diệu O (SN: 1988) tại cửa hàng thiết bị điện số 287 đường O, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng được 1.800.000 đồng; cùng ngày chị O bán lại cho một thanh niên (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 1.800.000 đồng.

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản sau mỗi vụ trộm cắp, Q, T và “M” cùng chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Các tài sản bị trộm cắp không thu hồi được.

Trong cùng khoảng thời gian trên, vào ngày 19/9/2021, Q và Đặng H (SN: 1982) trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, trị giá 15.050.000 đồng của anh Lê Công C tại tiệm cắt tóc số 664 đường T, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Đối với vụ án này, Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu xử phạt Q 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- Cửa Huỳnh Bá T: 01 xe mô tô BKS: 43F1-043.50 hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu trắng; 01 ĐTDĐ hiệu Bphone B3, màu đen;
- Cửa Trần Việt Q: 01 ĐTDĐ hiệu Itel, màu đen;
- Cửa Nguyễn Đức Ch: 200.000 đồng;
- 01 USB và 01 CD ghi dữ liệu camera an ninh.

* Theo các Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐG ngày 17/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 17/3/2022; số 58/KL-ĐGTS ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng kết luận giá trị tài sản bị trộm cắp như sau:

01 máy tính xách tay hiệu HP có giá trị là 4.620.000 đồng; 04 cuộn dây điện hiệu Vemo có tổng giá trị là 5.115.000 đồng; 04 cuộn dây điện dẹp hiệu Vĩnh Thịnh có tổng giá trị là 3.800.000 đồng; 04 cuộn dây điện hiệu Cadavi có tổng giá trị là 4.946.000 đồng và 03 thùng bia tiger lon có giá trị là 1.125.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Trần Việt Q và Huỳnh Bá T đã thực hiện trong các vụ trộm cắp là 14.491.000 đồng. Bị cáo Trần Việt Q thực hiện cùng đối tượng tên M là 5.115.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Việt Q và Huỳnh Bá T đã khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSCL ngày 10/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Việt Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Huỳnh Bá T bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm a Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm a,b Khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Việt Q** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Và áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của Bản án số 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng đối với bị cáo Q.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Bá T** mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa mặc dù vắng mặt các bị hại nhưng các bị hại đều có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được. Yêu cầu của các bị hại là có cơ sở nên đề nghị HĐXX cần chấp nhận và tuyên buộc bị cáo Q và bị cáo T cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm: ông Lê Hữu T số tiền 3.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Vân L số tiền 1.125.000 đồng; chị Phạm Thị Kim U số tiền 4.620.000 đồng; chị Phan Thị N số tiền 4.946.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo Q có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại ông T, chị L, chị U, chị N là: **7.245.500đ**; tổng cộng số tiền bị cáo T có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại ông T, chị L, chị U, chị N là: **7.245.500đ**.

Đối với số tiền bị cáo T chịu trách nhiệm bồi thường **7.245.500đ** sẽ được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình T đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000528 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; bị cáo T đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý để số tiền còn thừa lại **2.754.500đ** cho phần khắc phục hậu quả bồi thường cho các bị hại nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường **7.245.500đ**; như vậy bị cáo Q còn phải bồi thường thêm cho các bị hại số tiền là **4.491.000đ**.

Đối với tài sản bị chiếm đoạt là 04 cuộn dây điện, hiệu Vcmo trị giá 5.115.000 đồng tại cửa hàng điện nước số 269 đường L, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng của chị Nguyễn Hồ Ngọc H do bị cáo Q thực hiện cùng đối tượng tên “M” vào ngày 20/7/2021 nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên M nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau; do vậy đề nghị HĐXX buộc bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.115.000 đồng cho chị Nguyễn Hồ Ngọc H; sau này nếu bắt được đối tượng M và xử lý trong 01 một vụ án khác thì bị cáo Q có quyền yêu

cầu đối tượng tên M hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường thay cho chị H trong vụ án đó.

Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô BKS: 43F1-043.50 hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu trắng thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T; bị cáo T đã sử dụng xe mô tô BKS: 43F1-043.50 hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu trắng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Bphone B3, màu đen thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T; 01 ĐTDĐ hiệu ITEL, màu đen thu giữ của bị cáo Trần Việt Q là tài sản của bị cáo T và Q, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với 01 USB và 01 CD ghi dữ liệu camera an ninh là chứng cứ của vụ án đề nghị HĐXX tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Đức Ch là số tiền thu lợi bất chính từ khoản tiền chênh lệch khi mua bán máy tính xách tay do các bị cáo trộm của chị Phạm Thị Kim U (anh Ch mua của các bị cáo giá 1.200.000đ; bán lại cho người khác giá 1.400.000đ); đây là khoản thu lợi bất chính có được do hành vi phạm tội của bị cáo Q và T nên xét cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm của những người có liên quan:

- Đối với anh Nguyễn Đức Ch và chị Nguyễn Thị Diệu O là người đã mua máy tính xách tay và 04 cuộn dây điện của các bị cáo trộm cắp có được vào ngày 29/10/2021 và ngày 01/11/2021 nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Đối với đối tượng tên “M” đã cùng bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 20/7/2021 nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là có cơ sở.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại chị Nguyễn Hồ Ngọc H; ông Lê Hữu T; chị Phạm Thị Kim U; chị Phan Thị N; chị Nguyễn Thị Vân L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Ch do chị H, chị U, chị L, anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T, chị N vắng mặt không có lý do nhưng trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người này. Do đó, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292; 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2021, trên các địa bàn quận Cẩm Lệ, quận Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T 03 lần trộm cắp tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản là **14.491.000** đồng. Ngoài ra, Trần Việt Q cùng với đối tượng tên “M” trộm cắp tài sản vào ngày 20/7/2021 với giá trị tài sản là **5.115.000** đồng.

[2.1.2] Hành vi trên của các bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản và xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng số 40/CT-VKSCL ngày 10/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T thì thấy:

[2.2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần Việt Q: Bị cáo Q là một thanh niên có sức khỏe lẽ ra bị cáo phải lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại nên bị cáo đã nhiều lần rủ bị cáo Huỳnh Bá T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều người gồm ông Lê Hữu T, chị Nguyễn Thị Vân L, chị Phạm Thị Kim U và chị Phan Thị N.

Ngoài những lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác cùng với bị cáo T thì vào ngày 20/7/2021 bị cáo Q đã cùng với đối tượng tên “M ” (không rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 04 cuộn dây điện, hiệu Vcmo trị giá 5.115.000 đồng tại cửa hàng điện nước số 269 đường L, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng của chị Nguyễn Hồ Ngọc H và vào ngày 19/9/2021, Q cùng với Đặng H (SN: 1982) trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, trị giá 15.050.000 đồng của anh Lê Công C tại tiệm cắt tóc số 664 đường T, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (hành vi này đã bị xét xử bằng Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu với mức xử phạt Q 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”).

Hành vi của bị cáo Q đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào Điểm a,b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ở địa phương.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Bá T: Do bị cáo T lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo nghe theo lời rủ rê của bị cáo Q đi thực hiện việc trộm cắp tài sản của người khác; bị cáo T đã sử dụng xe máy của mình chở bị cáo Q, đứng ngoài canh giữ và cảnh giới để cho bị cáo Q thực hiện việc trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Hành vi của các bị cáo Q và T đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản và xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã thực hiện việc trộm cắp số tài sản của ông Lê Hữu T, chị Nguyễn Thị Vân L, chị Phạm Thị Kim U và chị Phan Thị N. Tổng giá trị tài sản mà Trần Việt Q và Huỳnh Bá T đã trộm cắp của những người bị hại là ông T, chị L, chị U, chị N có giá trị 14.491.000 đồng; Ngoài ra, Trần Việt Q và đối tượng tên “M” trộm cắp tài sản vào ngày 20/7/2021 của chị Nguyễn Hồ Ngọc H với giá trị tài sản là 5.115.000 đồng.

[2.2.2] Xét hành vi phạm tội; vai trò; **nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo** thì thấy:

Đối với Trần Việt Q, trong tất cả các lần thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là người đã rủ rê bị cáo Huỳnh Bá T và đối tượng tên “M” đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác; bị cáo Q là người trực tiếp phân công nhiệm vụ cho bị cáo T và cũng là người trực tiếp thực hiện việc lấy tài sản của những người bị hại cũng như tiêu thụ tài sản và phân chia nguồn thu lợi từ hành vi phạm tội của mình cho các bị cáo khác; ngoài 03 lần thực hiện trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Huỳnh Bá T thì bị cáo Q còn thực hiện 01 lần trộm cắp vào ngày 20/7/2021 của chị Nguyễn Hồ Ngọc H với đối tượng tên “M” và 01 hành vi trộm cắp tài sản cùng với Đặng H đã bị xét xử bằng Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu với mức xử phạt Q 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy, bị cáo Q phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” và “có tính chất chuyên nghiệp” là tình tiết định khung được quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Bị TAND quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 và hiện đang chấp hành theo Quyết định thi hành án phạt tù số 67/QĐ-CA ngày 19/5/2022 của TAND quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng; bị cáo Q còn có 01 tiền sự là bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ theo Quyết định số: 08/QĐ-XPHC ngày 30/3/2021 của Công an phường H, quận

Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Bị cáo Q cùng với bị cáo T thực hiện nhiều lần các hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo thỏa đáng, xử cách ly bị cáo Q ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Q đã thành khẩn khai báo. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với hành vi của bị cáo Huỳnh Bá T, do bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác, chính bị cáo đã nghe theo lời rủ rê từ bị cáo Q và theo sự phân công của bị cáo Q nên đã nhiều lần dùng xe mô tô BKS 43F1-043.50 của bị cáo để chở bị cáo Q đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác; bị cáo đã đứng bên ngoài canh giữ giúp bị cáo Q phạm tội; cùng với bị cáo Q đi bán các tài sản đã trộm cắp được; bị cáo đã cùng với bị cáo Q chia số tiền bán được từ tài sản phạm tội mà có để tiêu xài cá nhân. Như vậy, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo T có nhân thân xấu: Bị Chủ tịch UBND phường C, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng ra Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 Về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 06 tháng kể từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/3/2022 (chấm dứt theo Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 04/11/2021); ngoài ra bị cáo T còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội Bầu Bàng, TP. Đà Nẵng theo Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng với thời hạn 12 tháng kể từ ngày 03/11/2021 và đã chấp hành xong vào ngày 03/8/2022. Bị cáo T còn có 01 tiền sự là bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ theo Quyết định số: 08/QĐ-XPHC ngày 30/3/2021 của Công an phường H, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Bị cáo T cùng với bị cáo Q nhiều lần thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét tính chất hành vi của bị cáo, HĐXX thấy cần xử phạt bị cáo T một mức án tương xứng; xử cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T tác động gia đình nộp số tiền 10.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên thuộc trường hợp “ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” . Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt khi lượng hình.

Bị cáo Q và T cùng thực hiện hành vi “ Trộm cắp tài sản ”, thuộc trường hợp Đồng phạm được quy định tại Điều 17 BLHS, giữa các bị cáo có sự bàn bạc,

phân công nhiệm vụ cụ thể trước khi tiến hành hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức như đã nhận định ở trên.

[3] Xét về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa mặc dù vắng mặt các bị hại nhưng các bị hại đều có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được. Yêu cầu của các bị hại là có cơ sở nên cần chấp nhận; quá trình thực hiện hành vi phạm tội đều do các bị cáo cùng thực hiện; đối với số tiền thu được từ việc bán tài sản trộm cắp các bị cáo đều cùng được chia nhau để tiêu xài; do vậy cần tuyên buộc bị cáo Q và bị cáo T cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm: ông Lê Hữu T số tiền 3.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Vân L số tiền 1.125.000 đồng; chị Phạm Thị Kim U số tiền 4.620.000 đồng; chị Phan Thị N số tiền 4.946.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo Q có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại ông T, chị L, chị U, chị N là: 7.245.500đ; tổng cộng số tiền bị cáo T có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại ông T, chị L, chị U, chị N là: 7.245.500đ.

Đối với số tiền bị cáo T chịu trách nhiệm bồi thường 7.245.500đ sẽ được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình T đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000528 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; bị cáo T đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý để số tiền còn thừa lại 2.754.500đ cho phần khắc phục hậu quả bồi thường cho các bị hại nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường 7.245.500đ; như vậy bị cáo Q còn phải bồi thường thêm cho các bị hại số tiền là 4.491.000đ.

Đối với tài sản bị chiếm đoạt là 04 cuộn dây điện, hiệu Vcmo trị giá 5.115.000 đồng tại cửa hàng điện nước số 269 đường L, phường H, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng của chị Nguyễn Hồ Ngọc H do bị cáo Q thực hiện cùng đối tượng tên “M” vào ngày 20/7/2021 nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên M nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau; do vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.115.000 đồng cho chị Nguyễn Hồ Ngọc H; sau này nếu bắt được đối tượng M và xử lý trong 01 một vụ án khác thì bị cáo Q có quyền yêu cầu đối tượng tên M hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường thay cho chị H trong vụ án đó.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Q có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho các bị hại là $5.115.000đ + 4.491.000đ = 9.606.000đ$.

[4] Xét về vật chứng:

- Đối với xe mô tô BKS: 43F1-043.50 nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu sơn trắng đen; số máy 341184; số khung 341174 thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T; bị cáo T đã sử dụng xe mô tô BKS: 43F1-043.50 làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên xét thấy cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Bphone B3, màu đen thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T; 01 ĐTDĐ hiệu IteL, màu đen thu giữ của bị cáo Trần Việt Q là tài sản của

bị cáo T và Q, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội xét thấy cần tuyên trả lại cho các bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Đức Ch là số tiền thu lợi bất chính từ khoản tiền chênh lệch khi mua bán máy tính xách tay do các bị cáo trộm của chị Phạm Thị Kim U (anh Ch mua của các bị cáo giá 1.200.000đ; bán lại cho người khác giá 1.400.000đ); đây là khoản thu lợi bất chính có được do hành vi phạm tội của bị cáo Q và T nên xét thấy cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 USB và 01 CD ghi dữ liệu camera an ninh là chứng cứ của vụ án, nên HĐXX tuyên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/7/2022 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/7/2022 tại Kho bạc Nhà nước quận Cẩm Lệ.

Về trách nhiệm của những người có liên quan:

- Đối với anh Nguyễn Đức Ch và chị Nguyễn Thị Diệu O là người đã mua máy tính xách tay và 04 cuộn dây điện của các bị cáo trộm cắp có được vào ngày 29/10/2021 và ngày 01/11/2021 nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Đối với đối tượng tên “M” đã cùng bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 20/7/2021 nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là có cơ sở.

[2.7] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[2.8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Việt Q và bị cáo Huỳnh Bá T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Trần Việt Q phải chịu 618.025đ (trên số tiền phải bồi thường cho các bị hại là 12.360.500đ).

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Huỳnh Bá T phải chịu 362.275đ (trên số tiền phải bồi thường cho các bị hại là 7.245.500đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Việt Q và Huỳnh Bá T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào Điểm a,b Khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Việt Q **03 (ba) năm** tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Việt Q chấp hành **01(một) năm** tù tại Bản án số: 23/2022/HS-ST ngày 12/4/2022 của TAND quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án bị cáo Trần Việt Q phải chấp hành là **04 (bốn) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 05/11/2021.

-Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Bá T **02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Trần Việt Q bồi thường số tiền theo giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được cho bị hại chị Nguyễn Hồ Ngọc H số tiền là 5.115.000 đồng. Sau này nếu bắt được đối tượng M và xử lý trong 01 một vụ án khác thì bị cáo Q có quyền yêu cầu đối tượng tên M hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường thay cho chị H trong vụ án đó.

- Buộc bị cáo Trần Việt Q và bị cáo Huỳnh Bá T phải liên đới bồi thường số tiền theo giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được cho các bị hại gồm: ông Lê Hữu T số tiền 3.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Vân L số tiền 1.125.000 đồng; chị Phạm Thị Kim U số tiền 4.620.000 đồng; chị Phan Thị N số tiền 4.946.000 đồng. Trong đó:

+Bị cáo Trần Việt Q có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại là ông T, chị L, chị U, chị N là: 7.245.500đ; cụ thể: ông Lê Hữu T số tiền 1.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị Vân L số tiền 562.500 đồng; chị Phạm Thị Kim U số tiền 2.310.000 đồng; chị Phan Thị N số tiền 2.473.000 đồng.

+Bị cáo Huỳnh Bá T có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại ông T, chị L, chị U, chị N là: 7.245.500đ; cụ thể: ông Lê Hữu T số tiền 1.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị Vân L số tiền 562.500 đồng; chị Phạm Thị Kim U số tiền 2.310.000 đồng; chị Phan Thị N số tiền 2.473.000 đồng.

Đối với số tiền bị cáo T chịu trách nhiệm bồi thường 7.245.500đ sẽ được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình T đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000528 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; bị cáo T đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý để số tiền còn thừa lại 2.754.500đ cho phần khắc phục hậu quả bồi thường cho các bị hại nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường 7.245.500đ; như vậy bị cáo Q còn phải bồi thường thêm cho các bị hại số tiền là 4.491.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Q có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho các bị hại là: 5.115.000đ + 4.491.000đ = 9.606.000đ (Chín triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô BKS: 43F1-043.50 nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, màu sơn trắng đen; số máy 341184; số khung 341174 thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T do bị cáo T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

-Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: số tiền 200.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Đức Ch là số tiền thu lợi bất chính do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Việt Q: 01 ĐTDĐ hiệu Itel, màu đen thu giữ của bị cáo Trần Việt Q do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Bá T: 01 ĐTDĐ hiệu Bphone B3, màu đen thu giữ của bị cáo Huỳnh Bá T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

-Tuyên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB và 01 CD ghi dữ liệu camera an ninh là chứng cứ của vụ án (hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/7/2022 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/7/2022 tại Kho bạc Nhà nước quận Cẩm Lệ.

Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Việt Q và bị cáo Huỳnh Bá T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng)

-Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bị cáo Trần Việt Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 618.025đ (Sáu trăm mười tám ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng).

+ Buộc bị cáo Huỳnh Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 362.275đ (Ba trăm sáu mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2022.

Riêng người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Nhà tạm giữ công an quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga